



Về đích 2023

To the Finish Line of Higg FEM 2023 **TFL Higg FEM 2023** & Deep Dive is an activity organized by GIZ and its partnered brands, fostering **Collaborative Action & Learning for Taking Action** on environmental performance improvement in textile supply chain.



Implemented by



Chi Phan
Senior Project Officer, **Initiative for Global Solidarity**
E: chi.phanthi@giz.de

Tài liệu do

Leadership & Sustainability

phát triển cho chương trình TFL Higg FEM 2023

Chịu trách nhiệm nội dung

Vũ Long Biên

Phụ trách kỹ thuật chương trình

Tài liệu tham chiếu:

[How to Higg FEM 2023, August 2023](#)

Nội dung

Phần 1. Theo dõi, phân loại và xử lý nước thải, bùn thải

- Thông kê nước thải
- Theo dõi và phân loại bùn thải
- Phương pháp xử lý bùn thải

Phần 2. Hệ thống quản lý nước thải

- Offsite ETP
- Cơ chế ngăn ngừa ô nhiễm, xác nhận nước thải không bị rò rỉ ra ngoài môi trường
- Kế hoạch ứng phó sự cố nước thải

Phần 3. ZDHC nước thải

Phần 4: Tái chế, tái sử dụng nước thải

- Reuse water/process water
- Nước thải tái chế vào sản xuất
- Nước thải tái chế vào sinh hoạt

►►► Tổng quan Wastewater section

Level 1:

1. Tracking nước thải
2. Giám sát BOD5
3. Cơ chế ngăn nước mưa bị ô nhiễm
4. Hợp đồng nước thải
5. Cơ chế/quy trình giám sát Hợp đồng xử lý nước thải)
6. Kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp về nước thải
7. Xác nhận nước thải không rò rỉ ra môi trường
8. Xác định nguồn bùn thải
9. Tracking bùn thải công nghiệp
10. Tracking bùn thải sinh hoạt
11. Khu vực (kho) lưu trữ bùn thải
12. Xử lý bùn thải công nghiệp
13. Chứng từ chuyển giao xử lý bùn thải
14. Đào tạo nhân viên về xử lý bùn thải
15. Xử lý bùn thải sinh hoạt
16. Xử lý cặn hệ thống septic (tự hoại)
17. Quan trắc nước thải (theo luật)
18. Báo cáo nước thải ngoài yêu cầu của luật

Level 2:

19. Báo cáo nước thải vượt chỉ tiêu quan trắc (theo luật)
20. Tuân thủ tiêu chuẩn báo cáo nước thải
21. ZDHC nước thải (bảng Anion)
22. ZDHC nước thải (bảng kim loại nặng)
23. ZDHC nước thải và MRSL
24. Tracking bùn thải và phương pháp xử lý từng nguồn
25. Lưu trữ chứng từ xử lý bùn thải
26. Nâng cấp bể tự hoại thành ETP?
27. Offsite ETP test report

Level 3:

28. Hợp tác/tham gia cùng Offsite ETP để nâng cấp PP xử lý nước thải
29. Tái sử dụng nước sản xuất (process) vào hoạt động Sản xuất
30. Tái chế nước thải công nghiệp vào hoạt động sản xuất
31. Tái chế nước sinh hoạt vào hoạt động sinh hoạt



Phần 1: Theo dõi, phân loại, xử lý nước/bùn thải

Level 1:

1. Tracking nước thải
2. Giám sát BOD5
3. Cơ chế ngăn nước mưa bị ô nhiễm
4. Hợp đồng nước thải
5. Cơ chế/quy trình giám sát Hợp đồng xử lý nước thải)
6. Kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp về nước thải
7. Xác nhận nước thải không rò rỉ ra môi trường
8. Xác định nguồn bùn thải
9. Tracking bùn thải công nghiệp
10. Tracking bùn thải sinh hoạt
11. Khu vực (kho) lưu trữ bùn thải
12. Xử lý bùn thải công nghiệp
13. Chứng từ chuyển giao xử lý bùn thải
14. Đào tạo nhân viên về xử lý bùn thải
15. Xử lý bùn thải sinh hoạt
16. Xử lý cận hệ thống septic (tự hoại)
17. Quan trắc nước thải (theo luật)
18. Báo cáo nước thải ngoài yêu cầu của luật

Level 2:

19. Báo cáo nước thải vượt chỉ tiêu quan trắc (theo luật)
20. Tuân thủ tiêu chuẩn báo cáo nước thải
21. ZDHC nước thải (bảng Anion)
22. ZDHC nước thải (bảng kim loại nặng)
23. ZDHC nước thải và MRSL
24. Tracking bùn thải và phương pháp xử lý từng nguồn
25. Lưu trữ chứng từ xử lý bùn thải
26. Nâng cấp bể tự hoại thành ETP?
27. Offsite ETP test report

Level 3:

28. Hợp tác/tham gia cùng Offsite ETP để nâng cấp PP xử lý nước thải
29. Tái sử dụng nước sản xuất (process) vào hoạt động Sản xuất
30. Tái chế nước thải công nghiệp vào hoạt động sản xuất
31. Tái chế nước sinh hoạt vào hoạt động sinh hoạt

▶▶▶ Theo dõi, phân loại và xử lý nước thải

1. Does your facility track its wastewater volume?

Cơ sở của bạn có theo dõi lượng nước thải không?

Full point:

1. Hồ sơ chứng minh nhà máy đã theo dõi lượng nước thải từ tất cả các nguồn, có thể bao gồm:

- Hồ sơ ghi nhận nước thải (hóa đơn, nhật ký đồng hồ nước thải ...)
- Bảng Theo dõi hàng năm file excel
- Bảng tính toán dựa trên lưu lượng

2. Hồ sơ hiệu chuẩn đồng hồ đo (nếu có)

3. Phương pháp ước tính (nếu áp dụng)

4. Tất cả các nguồn nước thải

Partial points: Áp dụng tracking cho không đầy đủ các nguồn nước thải

▶▶▶ Theo dõi, phân loại và xử lý bùn thải

Chất lượng nước thải

2. Does your facility monitor the BOD5 Level of your wastewater?

Cơ sở của bạn có theo dõi Mức độ BOD5 của nước thải không?

17. Have you tested your wastewater against the legal requirements that apply to your facility?

Bạn đã kiểm tra nước thải của mình theo các yêu cầu pháp lý áp dụng cho cơ sở của bạn chưa?

Lưu ý:

- BOD 5 có thể được theo dõi từ một hoặc nhiều quá trình (Trước, sau hoặc trong quá trình xử lý của hệ ETP)
- Test nước thải theo yêu cầu của luật:
 - Tần suất
 - Số lượng chỉ tiêu
 - Tiêu chuẩn luật/hợp đồng để so sánh



Theo dõi, phân loại và xử lý bùn thải

Bùn thải nguy hại

9. Does your facility track its industrial wastewater sludge generated in the reporting year?

Cơ sở của bạn có theo dõi bùn thải công nghiệp được tạo ra trong năm báo cáo không?

12. Is industrial wastewater sludge disposed of properly?

Bùn thải công nghiệp có được xử lý đúng cách không?

13. Does your facility maintain manifests or similar documentation of the handling, transportation, processing, and disposal of sludge, accounting for all industrial wastewater sludge generated at the facility?

Cơ sở của bạn có lưu giữ các bản kê khai hoặc tài liệu tương tự về việc xử lý, vận chuyển, xử lý và thải bỏ bùn, tính toán tất cả bùn thải công nghiệp phát sinh tại cơ sở không?

Lưu ý:

- Theo dõi nguồn bùn thải nguy hại từ tất cả các nguồn
- Hồ sơ ghi nhận đầy đủ số lượng bùn phát sinh (phiếu cân, biên bản bàn giao, phương pháp ước tính ...)
- Hồ sơ xác định phương pháp xử lý

▶▶▶ Theo dõi, phân loại và xử lý bùn thải

Bùn thải Không nguy hại

10. Does your facility track its domestic wastewater sludge generated in the reporting year?

Cơ sở của bạn có theo dõi bùn thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo không?

15. Is domestic wastewater sludge disposed of properly?

Bùn thải sinh hoạt có được xử lý đúng cách không?

25. Does your facility maintain manifests or similar documentation of the handling, transportation, processing, and disposal of sludge, accounting for all domestic wastewater sludge generated at the facility?

Cơ sở của bạn có lưu giữ các bảng kê khai hoặc tài liệu tương tự về việc xử lý, vận chuyển, xử lý và thải bỏ bùn, tính toán tất cả bùn thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở không?

Lưu ý:

- Theo dõi nguồn bùn thải sinh hoạt từ tất cả các nguồn
- Hồ sơ ghi nhận đầy đủ số lượng bùn phát sinh (phiếu cân, biên bản bàn giao, phương pháp ước tính ...)
- Hồ sơ xác định phương pháp xử lý

▶▶▶ Theo dõi, phân loại và xử lý bùn thải

Lưu trữ, đào tạo nhân viên về xử lý bùn thải

11. Does your facility have well-marked, designated wastewater sludge storage areas?

Cơ sở của bạn có khu vực lưu trữ bùn thải được chỉ định rõ ràng và được đánh dấu rõ ràng không?

14. Does your facility provide training to all employees whose work involves wastewater sludge handling (such as maintenance and custodial staff)?

Cơ sở của bạn có cung cấp đào tạo cho tất cả nhân viên có công việc liên quan đến xử lý bùn thải nước thải (chẳng hạn như nhân viên bảo trì và trông coi) không?

Lưu ý:

- Kho chất thải đáp ứng yêu cầu của luật Việt nam về kho rác nguy hại hoặc không nguy hại
- Hồ sơ ghi nhận đào tạo cho người lao động về xử lý bùn thải
 - Đối tượng: nhân viên ETP, nhân viên kho rác, bảo vệ ...
 - Tần suất: trong năm báo cáo
 - Đánh giá sau đào tạo

▶▶▶ Theo dõi, phân loại và xử lý bùn thải

Septic tank

16. Does your facility manage the residue of the Septic System?

Cơ sở của bạn có quản lý cặn của Hệ thống tự hoại không?

25. Do you have a plan to upgrade your septic tank to a more modern wastewater treatment approach?

Bạn có kế hoạch nâng cấp bể tự hoại của mình lên phương pháp xử lý nước thải hiện đại hơn không?

Lưu ý: Áp dụng đối với những nhà máy không bắt buộc phải xây dựng hệ thống xử lý chất thải

- Chất thải từ hệ thống bể phốt → được xử lý như bùn thải hoặc chất thải sinh hoạt
- Bản kế hoạch nâng cấp bể tự hoại thành ETP cần đáp ứng các yêu cầu:
 - Mốc thời gian thực hiện được xác định rõ ràng
 - Bản phê duyệt kế hoạch bao gồm tài chính
 - Hợp đồng dự kiến xây dựng ETP mới

Phần 2: Hệ thống quản lý nước thải

Level 1:

1. Tracking nước thải
2. Giám sát BOD5
3. Cơ chế ngăn nước mưa bị ô nhiễm
4. Hợp đồng nước thải
5. Cơ chế/quy trình giám sát Hợp đồng xử lý nước thải)
6. Kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp về nước thải
7. Xác nhận nước thải không rò rỉ ra môi trường
8. Xác định nguồn bùn thải
9. Tracking bùn thải công nghiệp
10. Tracking bùn thải sinh hoạt
11. Khu vực (kho) lưu trữ bùn thải
12. Xử lý bùn thải công nghiệp
13. Chứng từ chuyển giao xử lý bùn thải
14. Đào tạo nhân viên về xử lý bùn thải
15. Xử lý bùn thải sinh hoạt
16. Xử lý cặn hệ thống septic (tự hoại)
17. Quan trắc nước thải (theo luật)
18. Báo cáo nước thải ngoài yêu cầu của luật

Level 2:

19. Báo cáo nước thải vượt chỉ tiêu quan trắc (theo luật)
20. Tuân thủ tiêu chuẩn báo cáo nước thải
21. ZDHC nước thải (bảng Anion)
22. ZDHC nước thải (bảng kim loại nặng)
23. ZDHC nước thải và MRSL
24. Tracking bùn thải và phương pháp xử lý từng nguồn
25. Lưu trữ chứng từ xử lý bùn thải
26. Nâng cấp bể tự hoại thành ETP?
27. Offsite ETP test report

Level 3:

28. Hợp tác/tham gia cùng Offsite ETP để nâng cấp PP xử lý nước thải
29. Tái sử dụng nước sản xuất (process) vào hoạt động Sản xuất
30. Tái chế nước thải công nghiệp vào hoạt động sản xuất
31. Tái chế nước sinh hoạt vào hoạt động sinh hoạt

▶▶▶ Phần 2: Hệ thống quản lý nước thải

Ngăn ngừa nước thải rò rỉ ra ngoài môi trường

3. Does your facility have a mechanism to prevent stormwater from being contaminated before it is discharged into the environment?

Cơ sở của bạn có cơ chế ngăn nước mưa bị ô nhiễm trước khi thải ra môi trường không?

7. Can you please confirm that, wastewater generated by the facility is not discharged to the environment through leaking and/or bypassing?

Bạn có thể vui lòng xác nhận rằng nước thải do cơ sở tạo ra không được thải ra môi trường thông qua rò rỉ và/hoặc đi vòng?

Lưu ý:

- Sơ đồ, bản vẽ thể hiện những điểm/khu vực có nguy cơ cao
- Thực hiện và ghi nhận kiểm tra/bảo dưỡng định kỳ:
 - Tần suất
 - Vị trí
 - Tình trạng

▶▶▶ Phần 2: Hệ thống quản lý nước thải

6. Does your facility have a back-up plan if there is an emergency related to wastewater?

Cơ sở của bạn có kế hoạch dự phòng nếu có trường hợp khẩn cấp liên quan đến nước thải không?

Tài liệu yêu cầu

1. Tài liệu chứng minh nhà máy có **quy trình dự phòng khẩn cấp được áp dụng đủ để xử lý lượng nước thải trung bình hàng ngày do cơ sở thải ra**, có thể bao gồm:

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải thể hiện khả năng xử lý hoặc xử lý khẩn cấp bổ sung nếu có.
- Kế hoạch và/hoặc quy trình dự phòng được ghi lại (ví dụ: quy trình tắt khẩn cấp).
- Kho thiết bị dự phòng
- Thỏa thuận với một nhà máy xử lý bên ngoài để tiếp nhận nước thải trong trường hợp khẩn cấp.
- Danh sách liên hệ khẩn cấp/các bên chịu trách nhiệm (nội bộ và bên ngoài)

Partial point: Nhà máy có quy trình Dự phòng khẩn cấp về nước thải nhưng không có nội dung thể hiện phương thức thông báo đến cơ quan nhà nước khi có sự cố xảy ra.

▶▶▶ Phần 2: Hệ thống quản lý nước thải

Offsite ETP

4. Does your facility maintain a copy of the current contract, permit, agreement or invoices regarding wastewater discharge regulatory compliance requirements for your facility to the offsite wastewater treatment plant?

Cơ sở của bạn có lưu giữ bản sao hợp đồng, giấy phép, thỏa thuận hoặc hóa đơn hiện tại liên quan đến các yêu cầu tuân thủ quy định về xả nước thải của cơ sở bạn đối với nhà máy xử lý nước thải bên ngoài không?

27. Have you requested wastewater quality test results from the offsite wastewater treatment plant?

Bạn có yêu cầu kết quả kiểm tra chất lượng nước thải từ nhà máy xử lý nước thải bên ngoài không?

28. Does your facility engage/collaborate with your off-site wastewater treatment plant to improve their wastewater treatment and/or engage in recycling?

Cơ sở của bạn có tham gia/hợp tác với nhà máy xử lý nước thải bên ngoài cơ sở của bạn để cải thiện việc xử lý nước thải và/hoặc tham gia tái chế không?

▶▶▶ Phần 2: Hệ thống quản lý nước thải

24. Does your facility track wastewater sludge by each source which includes all sludge generated onsite and its disposition in your sludge inventory?

Cơ sở của bạn có theo dõi bùn thải theo từng nguồn bao gồm tất cả bùn được tạo ra tại chỗ và cách xử lý của nó trong bản kiểm kê bùn thải của bạn không?

Tài liệu yêu cầu

Tài liệu chứng minh cơ sở đang theo dõi bùn thải. Điều này có thể bao gồm:

- Kiểm kê bùn cho thấy số lượng, thành phần và (các) phương pháp xử lý bùn thải.
- Phân tích/xét nghiệm bùn cho thấy các đặc tính nguy hiểm.
- Hồ sơ xử lý bùn.
- Bằng chứng về phương pháp xử lý/tiêu hủy cuối cùng được sử dụng tại chỗ hoặc bởi nhà cung cấp chất thải.

Partial Point: Không áp dụng

POLL

BREAK



Back soon

BY **10:00 PM**



Phần 3: ZDHC nước thải

Level 1:

1. Tracking nước thải
2. Giám sát BOD5
3. Cơ chế ngăn nước mưa bị ô nhiễm
4. Hợp đồng nước thải
5. Cơ chế/quy trình giám sát Hợp đồng xử lý nước thải)
6. Kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp về nước thải
7. Xác nhận nước thải không rò rỉ ra môi trường
8. Xác định nguồn bùn thải
9. Tracking bùn thải công nghiệp
10. Tracking bùn thải sinh hoạt
11. Khu vực (kho) lưu trữ bùn thải
12. Xử lý bùn thải công nghiệp
13. Chứng từ chuyển giao xử lý bùn thải
14. Đào tạo nhân viên về xử lý bùn thải
15. Xử lý bùn thải sinh hoạt
16. Xử lý cặn hệ thống septic (tự hoại)
17. Quan trắc nước thải (theo luật)
18. Báo cáo nước thải ngoài yêu cầu của luật

Level 2:

19. Báo cáo nước thải vượt chỉ tiêu quan trắc (theo luật)
20. Tuân thủ tiêu chuẩn báo cáo nước thải
21. ZDHC nước thải (bảng Anion)
22. ZDHC nước thải (bảng kim loại nặng)
23. ZDHC nước thải và MRSL
24. Tracking bùn thải và phương pháp xử lý từng nguồn
25. Lưu trữ chứng từ xử lý bùn thải
26. Nâng cấp bể tự hoại thành ETP?
27. Offsite ETP test report

Level 3:

28. Hợp tác/tham gia cùng Offsite ETP để nâng cấp PP xử lý nước thải
29. Tái sử dụng nước sản xuất (process) vào hoạt động Sản xuất
30. Tái chế nước thải công nghiệp vào hoạt động sản xuất
31. Tái chế nước sinh hoạt vào hoạt động sinh hoạt

Phần 3: ZDHC nước thải

18. Are you reporting against any wastewater standard (additional to the legal requirement)?

Nhà máy có báo cáo vi phạm bất kỳ tiêu chuẩn nước thải nào không (bổ sung cho yêu cầu pháp lý)?

19. Are you reporting against any wastewater standard (additional to the legal requirement)?

Nhà máy có báo cáo vi phạm bất kỳ tiêu chuẩn nước thải nào không (bổ sung cho yêu cầu pháp lý)?

20. Are you in compliance/conformance with the reported wastewater standard?

Nhà máy có tuân thủ/tuân thủ tiêu chuẩn nước thải được báo cáo không?

Table 7

Suppliers that generate on average, equal to, or more than 15m ³ of industrial wastewater per day				
Test parameters and sample locations/discharge types	ZDHC MRSL ⁷	ZDHC Heavy Metals	ZDHC Conventional and Anions	ZDHC Sludge
	Sample untreated wastewater and test Tables 1A-1T parameters	Sample effluent and test Table 2 parameters	Sample effluent and test Table 3 parameters	Sample sludge and test Table 4 parameters
Direct	Sample and test	Sample treated effluent and test	Sample and test	Sample and test against the chosen ZDHC sludge disposal pathway in accordance with the ZDHC Wastewater Guidelines
Indirect with pretreatment	Sample and test	Sample pre-treated effluent and only test ⁸ the following: Arsenic, Cadmium, Chromium (VI), Lead, Mercury	No sample or testing required	Sample and test against the chosen ZDHC sludge disposal pathway in accordance with the ZDHC Wastewater Guidelines
Indirect without pretreatment	Sample and test ⁹	Sample and only test ¹⁰ the following: Arsenic, Cadmium, Chromium (VI), Lead, Mercury	No sample or testing required	Not applicable, no sample or testing required
ZLD	Sample and test	No sample or testing required	No sample or testing required	Sample and test against the chosen ZDHC sludge disposal pathway in accordance with the ZDHC Wastewater Guidelines

Table 8

Suppliers that generate on average, less than 15m ³ of industrial wastewater per day				
Test parameters and sample locations/discharge types	ZDHC MRSL ¹¹	ZDHC Heavy Metals	ZDHC Conventional and Anions	ZDHC Sludge
	Sample untreated wastewater and test Tables 1A-1T parameters	Sample effluent and test Table 2 parameters	Sample effluent and test Table 3 parameters	Sample sludge and test Table 4 parameters
Direct	No sample or testing required	Sample and test	Sample and test	No sample or testing required
Indirect with pretreatment	No sample or testing required	No sample or testing required	No sample or testing required	No sample or testing required
Indirect without pretreatment	No sample or testing required	No sample or testing required	No sample or testing required	No sample or testing required
ZLD	No sample or testing required	No sample or testing required	No sample or testing required	No sample or testing required

Phần 3: ZDHC nước thải

21. If you reported against ZDHC wastewater guidelines, did your facility test your wastewater and meet foundational level conventional parameters and Anion in the reporting year?

Nếu bạn báo cáo vi phạm các nguyên tắc về nước thải của ZDHC, cơ sở của bạn có kiểm tra nước thải của bạn và đáp ứng các thông số thông thường và Anion ở mức cơ bản trong năm báo cáo không?

22. If you reported against ZDHC wastewater guidelines, did your facility test your wastewater and meet foundational level heavy metal limits in the reporting year?

Nếu bạn báo cáo vi phạm các nguyên tắc về nước thải của ZDHC, cơ sở của bạn có kiểm tra nước thải của bạn và đáp ứng các giới hạn cơ bản về kim loại nặng trong năm báo cáo không?

23. If you reported against ZDHC wastewater guidelines, did your facility test your wastewater and detect any MRSL parameters in the reporting year?

Nếu bạn báo cáo vi phạm các nguyên tắc về nước thải của ZDHC, cơ sở của bạn có kiểm tra nước thải của bạn và phát hiện bất kỳ thông số MRSL nào trong năm báo cáo không?

Lưu ý:

- Đối với chỉ tiêu MRSL nếu phát hiện được thông số MRSL (kể cả trong nước thải raw wastewater) thì sẽ không tính điểm câu hỏi số 23

Phần 4: Tái chế, tái sử dụng nước thải

Level 1:

1. Tracking nước thải
2. Giám sát BOD5
3. Cơ chế ngăn nước mưa bị ô nhiễm
4. Hợp đồng nước thải
5. Cơ chế/quy trình giám sát Hợp đồng xử lý nước thải)
6. Kế hoạch dự phòng trong tình huống khẩn cấp về nước thải
7. Xác nhận nước thải không rò rỉ ra môi trường
8. Xác định nguồn bùn thải
9. Tracking bùn thải công nghiệp
10. Tracking bùn thải sinh hoạt
11. Khu vực (kho) lưu trữ bùn thải
12. Xử lý bùn thải công nghiệp
13. Chứng từ chuyển giao xử lý bùn thải
14. Đào tạo nhân viên về xử lý bùn thải
15. Xử lý bùn thải sinh hoạt
16. Xử lý cặn hệ thống septic (tự hoại)
17. Quan trắc nước thải (theo luật)
18. Báo cáo nước thải ngoài yêu cầu của luật

Level 2:

19. Báo cáo nước thải vượt chỉ tiêu quan trắc (theo luật)
20. Tuân thủ tiêu chuẩn báo cáo nước thải
21. ZDHC nước thải (bảng Anion)
22. ZDHC nước thải (bảng kim loại nặng)
23. ZDHC nước thải và MRSL
24. Tracking bùn thải và phương pháp xử lý từng nguồn
25. Lưu trữ chứng từ xử lý bùn thải
26. Nâng cấp bể tự hoại thành ETP?
27. Offsite ETP test report

Level 3:

28. Hợp tác/tham gia cùng Offsite ETP để nâng cấp PP xử lý nước thải
29. Tái sử dụng nước sản xuất (process) vào hoạt động Sản xuất
30. Tái chế nước thải công nghiệp vào hoạt động sản xuất
31. Tái chế nước sinh hoạt vào hoạt động sinh hoạt

▶▶▶ Phần 4: Tái chế, tái sử dụng nước thải

29. Does your facility reuse process wastewater as process water?

Cơ sở của bạn có tái sử dụng nước thải xử lý làm nước xử lý không?

Lưu ý:

1. **Process water** là nước thải đầu ra từ một quá trình được sử dụng vào một quá trình khác mà không cần qua hệ thống xử lý nước thải nào (Không tính nước làm mát tuần hoàn hoặc nước từ Cooling tower)
2. Tỷ lệ phần trăm hàng năm của nước xử lý được tái sử dụng trong năm báo cáo FEM nên được nhập vào đây.
Điều này được tính như sau:
 - % lượng nước tái sử dụng = Tổng lượng nước tái sử dụng hàng năm (m³) / Tổng lượng nước sản xuất hàng năm (m³) x 100%
 - Nếu không thể tách riêng nước sản xuất và nước sinh hoạt thì nên sử dụng tổng lượng nước sử dụng hàng năm

Tài liệu yêu cầu

1. Hồ sơ theo dõi lượng tái sử dụng nước Process water (ví dụ: nhật ký, đồng hồ, bảng theo dõi dữ liệu, tính toán).
2. Bản vẽ thiết kế hệ thống tái sử dụng nước hoặc sơ đồ dòng nước cho thấy nước được tái sử dụng ở đâu và như thế nào.
3. Phương pháp tính toán/ước tính được ghi lại nếu có.

Phần 4: Tái chế, tái sử dụng nước thải

30. Does your facility recycle industrial wastewater for production processes?

Cơ sở của bạn có tái chế nước thải công nghiệp cho quá trình sản xuất không?

Lưu ý:

1. **Nước thải công nghiệp được tái chế** là nước thải công nghiệp đã được xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải được sử dụng vào các công việc có ích (Đối với câu hỏi này là được sử dụng vào quá trình sản xuất)
2. Tỷ lệ nước thải công nghiệp được tái chế hàng năm trong năm báo cáo FEM phải được nhập vào đây. Điều này được tính như sau:
 - % Tỷ lệ tái chế = Số lượng tái chế được sử dụng / (Tái chế được sử dụng + nước xả thải) x 100%
 - Nếu không thể tách riêng nước sản xuất và nước sinh hoạt thì nên sử dụng tổng lượng nước sử dụng hàng năm

Tài liệu yêu cầu

1. Hồ sơ theo dõi lượng tái sử dụng nước thải công nghiệp được tái chế (ví dụ: nhật ký, đồng hồ, bảng theo dõi dữ liệu, tính toán).
2. Bản vẽ thiết kế hệ thống tái chế nước hoặc sơ đồ dòng nước cho thấy nước thải công nghiệp được tái chế và sử dụng ở đâu và như thế nào trong quy trình sản xuất.
3. Phương pháp tính toán/ước tính được ghi lại nếu có.

Full point: > 50% nước thải công nghiệp được tái chế vào quá trình sản xuất

Partial Point: 20 – 49%; **Zero point:** < 20%

Phần 4: Tái chế, tái sử dụng nước thải

31. Does your facility recycle domestic wastewater for domestic use (i.e., landscape irrigation, toilets)?

Cơ sở của bạn có tái chế nước thải sinh hoạt để sử dụng trong sinh hoạt không (ví dụ: tưới cây, nhà vệ sinh)?

Lưu ý:

1. **Nước thải sinh hoạt được tái chế** là nước thải từ hoạt động sinh hoạt đã xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải được sử dụng vào các công việc có ích (Đối với câu hỏi này là được sử dụng vào quá trình sản xuất)
2. Tỷ lệ nước thải công nghiệp được tái chế hàng năm trong năm báo cáo FEM phải được nhập vào đây. Điều này được tính như sau:
 - % Tỷ lệ tái chế = Tổng lượng nước sinh hoạt hàng năm được tái chế / Tổng lượng nước sinh hoạt hàng năm x 100%
 - Nếu không thể tách riêng nước sản xuất và nước sinh hoạt thì nên sử dụng tổng lượng nước sử dụng hàng năm

Tài liệu yêu cầu

1. Hồ sơ theo dõi lượng tái sử dụng nước thải sinh hoạt được tái chế (ví dụ: nhật ký, đồng hồ, bảng theo dõi dữ liệu, tính toán).
2. Bản vẽ thiết kế hệ thống tái chế nước hoặc sơ đồ dòng nước cho thấy nước thải sinh hoạt được tái chế và sử dụng ở đâu và như thế nào cho mục đích sinh hoạt.
3. Phương pháp tính toán/ước tính được ghi lại nếu có.

Partial Point: Không áp dụng

POLL

HỎI ĐÁP VỚI GUEST SPEAKER



Using Q&A
in Zoom